

Số: *222* /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày *22* tháng *11* năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: HĐND thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và thực hiện Công văn số 243/HĐND-PC ngày 18 tháng 9 năm 2023 của HĐND thành phố về việc thông báo ý kiến của Thường trực HĐND thành phố, UBND thành phố kính báo cáo HĐND thành phố các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã điều chỉnh và ảnh hưởng đến Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của HĐND thành phố ban hành Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của HĐND thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND (theo kết quả rà soát văn bản đã được Thường trực HĐND thành phố thống nhất tại Công văn số 243/HĐND-PC).

Để áp dụng triển khai quy định mới của Trung ương trên địa bàn thành phố trong thời gian đến, việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nhằm đảm bảo triển khai thực hiện quy định của Trung ương về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Công văn số 243/HĐND-PC, UBND thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố; theo đó, Sở Nội vụ đã thực hiện rà soát Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND và đề nghị Sở Tư pháp, Ban Pháp chế -

HĐND thành phố thẩm định tại Công văn số 2015/SNV-XDCQ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Công văn số 2194/SNV-XDCQ ngày 07 tháng 8 năm 2023.

Trên cơ sở nội dung thẩm định của Sở Tư pháp và Ban Pháp chế - HĐND thành phố, Sở Nội vụ đã hoàn thiện các Phiếu rà soát và báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, cho ý kiến rà soát văn bản tại Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 và đã được Thường trực HĐND thành phố thống nhất tại Công văn số 243/HĐND-PC.

Theo đó, Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị quyết Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến góp ý, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử thành phố đảm bảo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ đã tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định đảm bảo theo quy định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết; báo cáo về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và trình UBND thành phố báo cáo HĐND thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp cuối năm 2023.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng bao gồm 04 điều. Cụ thể:

1. Điều 1: Quy định về số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn

Tại dự thảo Nghị quyết này quy định số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố, thôn đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Đồng thời, quy định giữ nguyên các chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn như hiện nay, cụ thể bao gồm 07 chức danh: Phó bí thư chi bộ, tổ phó tổ dân phố hoặc phó trưởng thôn, phó trưởng ban công tác Mặt trận và chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

2. Điều 2: Quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn

a) Về mức phụ cấp hàng tháng

Tại điểm a, b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên được khoán quỹ phụ cấp bằng **6,0 lần mức lương cơ sở**. Đối với các thôn có quy mô dưới 350 hộ gia đình và tổ dân phố có quy mô dưới 500 hộ gia đình được khoán quỹ phụ cấp bằng **4,5 lần mức lương cơ sở**; theo đó, Chính phủ quy định mức phụ cấp hàng tháng cho lực lượng này dựa trên quy mô tổ dân phố, thôn.

Đồng thời, tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định quy mô tổ dân phố, thôn cụ thể: Tổ dân phố ở phường, thị trấn thuộc các tỉnh miền Trung có **từ 300 hộ gia đình trở lên**. Thôn ở xã thuộc các tỉnh miền Trung có **từ 250 hộ gia đình trở lên**.

Căn cứ các quy định nêu trên và đặc điểm tình hình thực tế về quy mô tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố (quy mô tổ dân phố thấp hơn so với quy định của Trung ương, toàn thành phố có 2.775 tổ dân phố có quy mô dưới 300 hộ gia đình, chiếm tỷ lệ 99,2%), việc xây dựng mức phụ cấp hàng tháng theo nguyên tắc:

- Đối với tổ dân phố, thôn có quy mô đảm bảo theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP (từ 500 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố và từ 350 hộ gia đình trở lên đối với thôn) thì quy định tổng mức phụ cấp bằng 6,0 lần mức lương cơ sở cho 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách: bí thư chi bộ; tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn; trưởng ban công tác Mặt trận (đảm bảo mức tối đa theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP);

- Đối với tổ dân phố, thôn có quy mô đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV (từ 300 hộ gia đình trở lên đối với tổ dân phố (nhưng dưới 500 hộ) và từ 250 hộ gia đình trở lên đối với thôn (nhưng dưới 350 hộ) thì quy định tổng mức phụ cấp bằng 4,5 lần mức lương cơ sở cho 03 chức danh (đảm bảo mức tối đa theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP);

- Đối với các tổ dân phố, thôn có quy mô chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BNV (dưới 300 hộ gia đình đối với tổ dân phố và dưới 250 hộ gia đình đối với thôn) (đây là đặc điểm tình hình thực tế của thành phố Đà Nẵng) thì cơ bản giữ nguyên mức phụ cấp như hiện nay, bởi vì HĐND thành phố vừa mới quy định việc tăng mức phụ cấp từ cuối năm 2022; đồng thời, mức lương cơ sở cũng đã tăng từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 (tương ứng 12%).

Tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định: “Căn cứ vào **quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán cho mỗi cấp xã, mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại các khoản 1, 2 Điều này; nguồn kinh phí ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương; các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố, thôn và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động tại tổ dân phố, thôn**”. Do vậy, căn cứ đặc thù của các phường, xã trên địa bàn thành phố (quy mô thấp hơn so với quy định của Trung ương), đồng thời tránh tình trạng cào bằng về mức phụ cấp hàng tháng (tổ dân phố, thôn có quy mô nhỏ thì không thể quy định phụ cấp bằng với tổ dân phố, thôn có quy mô lớn gấp đôi, gấp ba). Do vậy, quy định phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố theo 04 mức, ở thôn theo 03 mức và đảm bảo không vượt quá tổng mức khoán quỹ phụ cấp theo quy định. Đây cũng là quan điểm, nguyên tắc kế thừa từ các nghị quyết đã ban hành của HĐND thành phố, việc quy định mức phụ cấp chia

theo nhiều quy mô tổ dân phố, thôn đã thực hiện từ năm 2019 đến nay, không phải là quy định mới; đồng thời phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, HĐND thành phố có thẩm quyền quyết định mức phụ cấp căn cứ đặc thù cụ thể của từng tổ dân phố, thôn (như đặc thù tổ dân phố, thôn hiện nay tại thành phố Đà Nẵng).

Việc thực hiện mức phụ cấp hàng tháng theo dự thảo Nghị quyết thì dự kiến kinh phí chi trả khoản 9.846.540.000 đồng/tháng, tăng khoản 1.297.800.000 đồng/tháng so với hiện nay.

b) Về mức hỗ trợ hàng tháng

Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn được phân chia tương ứng theo quy mô tổ dân phố, thôn để quy định phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố, thôn.

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, các chức danh này được hưởng mức hỗ trợ bằng tiền cụ thể không theo mức lương cơ sở như người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn; do vậy, sẽ căn cứ vào mức tăng chênh lệch theo mức lương cơ sở và thực hiện tăng từ 100.000 đến 200.000 đồng/người/tháng.

Việc thực hiện mức hỗ trợ hàng tháng theo dự thảo Nghị quyết thì dự kiến kinh phí chi trả khoản 7.980.200.000 đồng/tháng, tăng khoản 1.064.200.000 đồng/tháng so với hiện nay.

c) Về chế độ phụ cấp kiêm nhiệm

- Người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở tổ dân phố, thôn; người hoạt động không chuyên trách tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh cao nhất;

- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động khác ở tổ dân phố, thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

d) Về chế độ bảo hiểm y tế

Căn cứ khả năng thu ngân sách năm 2023 không đạt dự toán giao; dự kiến thu năm 2024 tiếp tục giảm và thấp hơn nhiều so với dự toán ngân sách năm 2023¹. Dự báo việc cân đối thu ngân sách địa phương để đáp ứng các nhiệm vụ

¹ Tại Công văn số 3568/STC-QLNS ngày 25/10/2023, Sở Tài chính trao đổi theo số liệu đã thảo luận thống nhất với Bộ Tài chính thì thu nội địa năm 2024 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chỉ bằng 82% dự toán HĐND giao năm 2023, tương ứng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp năm 2024 (không kể thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết) chỉ bằng 84% dự toán giao năm 2023.

chi theo phân cấp của địa phương năm 2024 là rất khó khăn, trường hợp giảm thu ngân sách địa phương thì phải giảm chi tương ứng. Do vậy việc quy định chế độ đặc thù với đối tượng mới sẽ tạo áp lực trong việc cân đối ngân sách để đảm bảo thực hiện chính sách, chế độ mới ban hành.

Bên cạnh đó, trong thời gian sắp tới thành phố sẽ tập trung sắp xếp đơn vị hành chính phường, xã; dự kiến sắp xếp lại tổ dân phố, thôn theo dự thảo Thông tư mới của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức và hoạt động của tổ dân phố, thôn (thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 400 hộ gia đình trở lên và thực hiện sáp nhập đối với các tổ dân phố, thôn có quy mô số hộ gia đình dưới 70% quy mô quy định nêu trên). Do vậy, đề nghị giữ nguyên quy định về chế độ bảo hiểm y tế đối với các chức danh bí thư chi bộ, tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, trưởng ban công tác Mặt trận và tổ phó tổ dân phố, phó trưởng thôn. Việc bổ sung, mở rộng chế độ bảo hiểm y tế đối với phó bí thư chi bộ, phó trưởng ban công tác Mặt trận, chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh khu dân cư sẽ nghiên cứu đề xuất sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính phường, xã và sắp xếp tổ dân phố, thôn.

3. Điều 3: Hiệu lực thi hành

4. Điều 4: Tổ chức thực hiện

(Dự thảo Nghị quyết và bảng so sánh kinh phí với quy định trước đây đính kèm)

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết nghị nội dung Nghị quyết nêu trên. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, SNV.

S + 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chính

Số: /2023/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng và áp dụng đối với 03 chức danh:

- Bí thư chi bộ;
- Tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng thôn;
- Trưởng ban công tác Mặt trận.

2. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn được hưởng hỗ trợ hàng tháng và áp dụng đối với các chức danh: Phó bí thư chi bộ, tổ phó tổ dân phố hoặc phó trưởng thôn, phó trưởng ban công tác Mặt trận và chi hội trưởng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

3. Khuyến khích việc kiêm nhiệm chức danh bí thư chi bộ đồng thời là tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn hoặc trưởng ban công tác Mặt trận.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn được kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở tổ dân phố, thôn; người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn; người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động khác ở tổ dân phố, thôn.

Điều 2. Quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn

a) Đối với tổ dân phố

STT	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Dưới 150 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,9
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,9
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,8
2	Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0
		Tổ trưởng tổ dân phố	1,0
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9
3	Từ 300 đến dưới 500 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,6
		Tổ trưởng tổ dân phố	1,5
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4
4	Từ 500 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	2,1
		Tổ trưởng tổ dân phố	2,0
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,9

b) Đối với thôn

STT	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số so với mức lương cơ sở)
1	Dưới 250 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0
		Trưởng thôn	1,0
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9

2	Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,6
		Trưởng thôn	1,5
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4
3	Từ 350 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	2,1
		Trưởng thôn	2,0
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,9

2. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn

Nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn. Mức chi hỗ trợ hàng tháng cụ thể như sau:

a) Đối với tổ dân phố

- Dưới 150 hộ gia đình: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 700.000 đồng/người/tháng.

- Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 800.000 đồng/người/tháng.

- Từ 300 đến dưới 500 hộ gia đình: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 900.000 đồng/người/tháng.

- Từ 500 hộ gia đình trở lên: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố được hưởng mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với thôn

- Dưới 250 hộ gia đình: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn được hưởng mức hỗ trợ là 800.000 đồng/người/tháng.

- Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn được hưởng mức hỗ trợ là 900.000 đồng/người/tháng.

- Từ 350 hộ gia đình trở lên: Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn được hưởng mức hỗ trợ là 1.100.000 đồng/người/tháng.

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn

a) Người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở tổ dân phố, thôn; người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm của chức danh cao nhất.

b) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố, thôn kiêm nhiệm chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động khác ở tổ dân phố, thôn thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

4. Chế độ bảo hiểm y tế

Ngân sách thành phố hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho bí thư chi bộ; tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn; trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, công tác (trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định) với mức đóng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 278/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định về số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia công việc ở tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ... ngày.....tháng.....năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Thành ủy;
- Các Ban HĐND thành phố; Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Quận, Huyện ủy, HĐND huyện Hòa Vang, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã, UBND các phường, xã;
- Báo ĐN, Chuyên đề CATP ĐN, Đài PTTHĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

Lương Nguyễn Minh Triết

SO SÁNH KINH PHÍ GIỮA NGHỊ QUYẾT SỐ 31/2022/NQ-HĐND VÀ NGHỊ QUYẾT MỚI

I. MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH TỔ DÂN PHỐ, THÔN

1. Đối với tổ dân phố

T T	Theo quy định hiện nay tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND				Theo Nghị quyết mới				Kinh phí tăng chênh lệch so với hiện nay ¹ (đồng)
	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp	
1	Dưới 150 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,9	2,5	Dưới 150 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	0,9	2,6	
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,8			Tổ trưởng tổ dân phố	0,9		+ 180.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,8			Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,8		
2	Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0	2,8	Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0	2,9	
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,9			Tổ trưởng tổ dân phố	1,0		+ 180.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9			Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9		
3	Từ 300 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,1	3,0	Từ 300 đến dưới 500 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,6	4,5	+ 900.000
		Tổ trưởng tổ dân phố	0,95			Tổ trưởng tổ dân phố	1,5		+ 990.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,95			Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4		+ 810.000
4					Từ 500 hộ gia đình trở lên ²	Bí thư chi bộ khu dân cư	2,1	6,0	+ 1.800.000
						Tổ trưởng tổ dân phố	2,0		+ 1.890.000
						Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,9		+ 1.710.000

¹ Bao gồm tăng mức phụ cấp theo quy định và tăng theo mức lương cơ sở mới (1.800.000 đồng).

² Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với thôn

TT	Quy mô	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng				Kinh phí tăng chênh lệch so với hiện nay ³ (đồng)
			Theo quy định hiện nay tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND		Theo Nghị quyết mới		
			Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp	Mức phụ cấp	Tổng mức phụ cấp	
1	Dưới 250 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,0	2,8	1,0	2,9	
		Trưởng thôn	0,9		1,0		+ 180.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,9		0,9		
2	Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,1	3,0	1,6	4,5	+ 900.000
		Trưởng thôn	0,95		1,5		+ 990.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	0,95		1,4		+ 810.000
3	Từ 350 hộ gia đình trở lên	Bí thư chi bộ khu dân cư	1,8	5,0	2,1	6,0	+ 540.000
		Trưởng thôn	1,6		2,0		+ 720.000
		Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,6		1,9		+ 540.000

³ Bao gồm tăng mức phụ cấp theo quy định và tăng theo mức lương cơ sở mới (1.800.000 đồng).

II. MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở TỔ DÂN PHỐ, THÔN

1. Đối với tổ dân phố

TT	Chức danh	Mức hỗ trợ hàng tháng				Kinh phí tăng chênh lệch so với hiện nay (đồng)
		Theo quy định hiện nay tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND		Theo Nghị quyết mới		
		Quy mô	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Quy mô	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	
1	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở tổ dân phố: Phó bí thư chi bộ; tổ phó tổ dân phố; phó trưởng ban công tác Mặt trận và chi hội trưởng: Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Dưới 150 hộ gia đình	600.000	Dưới 150 hộ gia đình	700.000	+ 100.000
2		Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình	700.000	Từ 150 đến dưới 300 hộ gia đình	800.000	+ 100.000
3		Từ 300 hộ gia đình trở lên	800.000	Từ 300 đến dưới 500 hộ gia đình	900.000	+ 100.000
4				Từ 500 hộ gia đình trở lên	1.000.000	+ 200.000

2. Đối với thôn

TT	Chức danh	Mức hỗ trợ hàng tháng				Kinh phí tăng chênh lệch so với hiện nay (đồng)
		Theo quy định hiện nay tại Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND		Theo Nghị quyết mới		
		Quy mô	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	Quy mô	Mức hỗ trợ (đồng/người/tháng)	
1	Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn: Phó bí thư chi bộ; phó trưởng thôn; phó trưởng ban công tác Mặt trận và chi hội trưởng; Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Dưới 250 hộ gia đình	700.000	Dưới 250 hộ gia đình	800.000	+ 100.000
2		Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình	800.000	Từ 250 đến dưới 350 hộ gia đình	900.000	+ 100.000
3		Từ 350 hộ gia đình trở lên	1.000.000	Từ 350 hộ gia đình trở lên	1.100.000	+ 100.000